

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi lợn, nuôi trồng thủy sản và trồng cây cảnh, cây dược liệu tại xã Hà Lan (nay là phường Đông Sơn), thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thiên An Minh;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 30/CV-TAM ngày 18/10/2023 và Công văn số 31/CVTAM ngày 02/5/2024 của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thiên An Minh về đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho Trang trại chăn nuôi lợn, nuôi trồng thủy sản và trồng cây cảnh, cây dược liệu tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 727/TTr-STNMT ngày 03 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thiên An Minh, địa chỉ tại số nhà 6A, đường Tôn Thất Thuyết, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Trang trại chăn nuôi lợn, nuôi trồng thủy sản và trồng cây cảnh, cây dược liệu tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn, nuôi trồng thủy sản và trồng cây cảnh, cây dược liệu tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: khu phố Đoàn thôn, phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Chủ cơ sở: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thiên An Minh.

1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh: Chăn nuôi lợn.

1.5. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp số 2802443144 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 23/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 30/12/2020.

1.6. Mã số doanh nghiệp: 2802443144

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích cơ sở: giai đoạn 1 là 30.981,0 m².

- Công suất: 1.500 con lợn nái, 30 con lợn đực, 150 con lợn hậu bị và 25.500 lợn con theo mẹ/năm.

- Công nghệ chăn nuôi: Lợn bố mẹ → Lợn nái mang thai → Lợn nái sinh sản → Lợn con sau cai sữa → Xuất chuồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thiên An Minh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thiên An Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 20 tháng 5 năm 2024 đến ngày 20 tháng 5 năm 2031).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thị xã Bim Sơn và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của cơ sở được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- C.ty TNHH XD&TM Thiên An Minh (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thị xã Bim Sơn (để theo dõi);
- UBND phường Đông Sơn (để g/sát);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên tại trang trại có lưu lượng $4,0 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (bao gồm: Nước thải đen - đi qua bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu là $1,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước xám - không qua bể tự hoại như nước từ rửa, tắm, giặt là $1,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước thải từ khu nhà bếp - đi qua bể tách dầu mỡ như nước từ bồn rửa là $1,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$).

+ Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi lợn của trang trại có lượng $94 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, bao gồm: Nước tiểu của lợn $28 \text{ m}^3/\text{ngày}$; nước rửa chuồng nuôi $37 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; nước rửa xe vận chuyển ra vào trang trại $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; nước thải bể ngâm rửa đàn $28 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Tổng lượng nước thải phát sinh phải xử lý là $99 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: Các nguồn nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Dòng nước thải sau khi xử lý xả thải ra môi trường.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Mương thoát nước chung của khu vực ở phía Đông Trang trại, sau đó chảy ra sông Hoạt (thuộc khu phố Đoàn Thôn, phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải vào nguồn tiếp nhận là Hệ thống nước chung của khu vực ở phía Đông trang trại tại khu phố Đoàn Thôn, phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn.

- Tọa độ điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau: X=2218630 (m); Y=592273 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

Lưu lượng xả nước thải tối đa sau khi tuần hoàn tái sử dụng là $32 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (chiếm khoảng 33% tổng lượng nước thải phát sinh của trang trại).

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Dòng nước thải được xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung công suất $200 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ chảy vào hồ sinh học (hồ có thành và đáy lót bạt HDPE), sau đó tuần

hoàn tái sử dụng cho: Tưới cây, rửa chuồng, rửa xe, phun khử trùng, bể ngâm rửa đan (67 m^3 , chiếm khoảng 67% tổng lượng nước thải ra trong ngày), phần còn lại thải ra mương thoát nước chung của khu vực ở phía Đông trang trại.

- Hình thức xả: Xả liên tục theo phương thức tự chảy, có kiểm soát qua đồng hồ đo lưu lượng xả nước thải. Đối với nước thải sau xử lý tuần hoàn tái sử dụng, tưới cây, bơm cưỡng bức, có kiểm soát qua đồng hồ đo lưu lượng.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày. (Đối với nước thải ra môi trường), xả không quá 33% tổng lưu lượng nước thải phát sinh hằng ngày (*việc xả thải phải có kế hoạch cụ thể và niêm yết công khai tại vị trí xả nước thải của trang trại, phục vụ cho công tác kiểm soát, kiểm tra, giám sát*). Đối với nước thải sau xử lý tuần hoàn tái sử dụng, tưới cây, xả gián đoạn, không liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cụ thể:

- Chất lượng nước thải sau xử lý được xả thải ra môi trường phải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,3$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần (theo đề nghị của chủ cơ sở)	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	117		
3	COD	mg/l	351		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	175,5		
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	175,5		
6	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

- Nước thải sau xử lý được tái sử dụng để tưới gốc cho cây trồng (tưới vào vùng rễ xung quanh gốc cây) phải đảm bảo đạt QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng kèm theo Thông tư số 28/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước khi tái sử dụng, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5,5- 9	03 tháng/lần (theo đề nghị của chủ cơ sở)	Không thuộc đối tượng
2	Clorua (Cl^-)	mg/l	≤ 600		
3	Asen (As)	mg/l	$\leq 0,1$		
4	Cadimi (Cd)	mg/l	$\leq 0,01$		

5	Crom tổng số (Cr)	mg/l	$\leq 0,5$		
6	Thủy ngân (Hg)	mg/l	$\leq 0,002$		
7	Chì (Pb)	mg/l	$\leq 0,05$		
8	Ecoli	MPN/100ml	≤ 200		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → Bể tự hoại 03 ngăn; Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu mỡ; Nước thải tắm giặt → Hồ ga. Toàn bộ các nguồn nước thải trên theo đường ống nhựa uPVC D300 thu gom về bể lắng phân và theo quy trình xử lý tiếp theo của nước thải chăn nuôi.

- Nước thải chăn nuôi → Cống, rãnh thu gom trong các chuồng nuôi → Đường ống thu gom D300 → Bể lắng phân → Hầm Biogas có phủ và lót bạt HDPE → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm → 01 hồ sinh học có lót bạt HDPE (tươi cây) → Bể lọc, khử trùng → Môi trường/tuần hoàn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải của cơ sở.

- Bể tự hoại 03 ngăn: 02 bể, dung tích 15 m³/bể; Bể tách dầu mỡ nhà ăn, nhà bếp: 01 bể dung tích 3 m³.

- Bể lắng phân: 04 bể ($V_1=72$ m³; $V_2=V_3=45$ m³; $V_4=30$ m³)

- Hầm Biogas phủ bạt HDPE: 01 hầm, có dung tích $V=6.000$ m³.

- Trạm xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 200m³/ngàyđêm: 01 trạm.

- Hồ sinh học kết hợp hồ sự cố lót bạt HDPE: 01 hồ, dung tích 420 m³.

(Toàn bộ các hầm biogas, hồ sinh học có thành, đáy được gia cố đầm nén chặt, lót bạt HDPE đảm bảo chống thấm, rò rỉ nước thải ra môi trường).

- Bể lọc và khử trùng sau hồ sinh học: 01 bể, dung tích $V= 15$ m³, xây bằng gạch chỉ đặc, thành, đáy láng xi măng.

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại các nhà vệ sinh (hồ tiêu, hố tiêu) → Bể tự hoại 03 ngăn → Bể lắng phân → Hầm Biogas → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm; Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu mỡ → Bể lắng phân → Hầm Biogas → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm; Nước thải

tắm, giặt, rửa tay chân → Hồ gas → Bể lắng phân → Hàm Biogas → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm.

- Nước thải chăn nuôi → Đường ống, mương cống → Bể lắng phân → Hàm Biogas phủ bạt HDPE → Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày đêm → Hồ sinh học có lót bạt HDPE (tưới cây) → Nước thải sau xử lý (một phần tái sử dụng) → Phần không sử dụng hết xả thải (qua bể lọc và khử trùng) → Hệ thống thoát nước chung của khu vực ở phía Đông của Trang trại.

- Trạm xử lý nước thải tập trung:

+ Quy trình công nghệ: Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng Lamén → Bể keo tụ và trợ lắng → Hồ sinh học có lót bạt HDPE → Bể lọc và khử trùng → Đường ống PVC, DN 110mm và đồng hồ đo lưu lượng nước thải → Hệ thống thoát nước chung của khu vực ở phía Đông của Trang trại.

+ Tổng công suất thiết kế là 200 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: BIO-S, DW97, DW98, PAC, Polymer anion, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư xây dựng hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 200 m³/ngày đêm, gấp 2,02 lần tổng lượng nước thải phát sinh của trang trại đảm bảo đáp ứng được hệ số quá tải của hệ thống.

- Đầu tư xây dựng 01 hồ sinh học kết hợp hồ sự cố nước thải được lót thành, đáy hồ bằng bạt HDPE có dung tích chứa 420 m³ để chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố. Hồ có thiết kế hệ thống hai van cho đường ống vào và đường ống ra; chiều cao dự phòng là 0,5m; thể tích chứa nước tối thiểu trong trường hợp sự cố đủ để chứa nước thải phát sinh của cơ sở 4,2 ngày.

- Lắp đặt máy bơm chìm nước thải có công suất (1,5 - 2,2)KW và đường ống để có thể bơm, dẫn nước thải từ hồ sinh học kết hợp hồ sự cố về bể chứa nước đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt đường ống xả thải cùng van đóng mở hoặc máy bơm nước thải từ Bể điều hòa (Bể đầu vào của Trạm XLNT) về hồ sinh học kết hợp hồ sự cố để xả thải nước thải chưa xử lý về hồ sinh học kết hợp hồ sự cố để lưu chứa khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra để kiểm soát lưu lượng xả thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập nhật ký vận hành và ghi chép đầy đủ các thông số: lưu lượng nước thải, thông số vận hành hệ thống xử lý nước thải, loại và lượng hóa chất sử dụng, chỉ số điện tiêu thụ,... vào sổ nhật ký vận hành hằng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi Trạm xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

- + Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố; đồng thời, ngừng tiếp nhận nuôi lợn lứa tiếp theo.

- + Nếu sự cố không đến mức nghiêm trọng, công nhân dừng vận hành trạm xử lý nước thải, đóng van xả nước thải từ hồ sinh học kết hợp hồ sự cố ra bể lọc – khử trùng, đồng thời dừng bơm nước thải từ hầm Biogas vào Trạm xử lý nước thải tập trung và thu gom nước thải chưa xử lý của trạm xử lý nước thải về hồ sinh học kết hợp hồ sự cố để lưu giữ.

- Phòng ngừa sự cố hầm biogas, đáy hầm biogas hư hỏng: Ngừng dẫn nước thải về hầm có sự cố, tiến hành xử lý ngay lập tức bằng cách bơm hút toàn bộ nước trong hầm biogas bị sự cố sang hồ sự cố, rà soát điểm rách, thùng để hàn khắc phục; đồng thời chủ trương tạm hạn chế việc rửa chuồng, tăng cường thu phân khô để đảm bảo thời gian lưu nước trong hầm biogas đạt hiệu quả xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.3 Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống hầm biogas, Trạm xử lý nước thải tập trung, hồ sinh học.

2.4. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải tại bể điều hòa của Trạm XLNT 200 m³/ngày đêm (sử dụng tuần hoàn cho mục đích tưới cây).

- Mẫu nước thải sau Bể lọc và khử trùng (đầu ra).

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý triệt để nước thải phát sinh từ cơ sở, đảm bảo đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường và tái sử dụng, tưới cây. Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, tuyệt đối không được xả nước thải hay lắp đặt các đường ống, thiết bị bơm xả nước thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, ghi chép đầy đủ thông tin, dữ liệu hoạt động của hệ thống, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng xả nước thải và đồng hồ đo lưu lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng; điểm tiếp nhận nước thải phải bố trí biển báo, chỉ dẫn rõ ràng, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát.

3.3. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu, quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc ô nhiễm môi trường, Công ty phải tạm dừng hoạt động vận hành và kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Bim Sơn, UBND phường Đông Sơn để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường có chứa các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

3.6. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải; lắp công tơ điện riêng cho hệ thống xử lý nước thải.

3.7. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu quy định theo QCVN 01-195:2022/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải, mùi hôi:

- Nguồn số 01: Khí thải, mùi phát sinh từ khu tập kết xác lợn chết.
- Nguồn số 02: Khí thải, mùi phát sinh từ khu xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Khí thải, mùi phát sinh từ khu nhà chứa phân.
- Nguồn số 04: Khí thải, mùi phát sinh từ khu vực chuồng nuôi lợn.
- Nguồn số 05: Khí thải, mùi phát sinh từ hệ thống hầm biogas.

2. Vị trí xả thải và dòng khí thải:

2.1. *Vị trí xả khí thải:* Nằm trong khuôn viên Trang trại tại phường Đông Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí các điểm xả thải theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°, như sau:

- Dòng thải số 01: Khí thải (mùi) từ nguồn số 01 tự phát tán ra môi trường. Tọa độ đại diện vị trí xả khí thải: X= 2218677(m); Y= 892127(m).

- Dòng thải số 02: Khí thải (mùi) từ nguồn số 02 tự phát tán ra môi trường. Tọa độ đại diện vị trí xả khí thải: X= 2218659(m); Y= 592171(m).

- Dòng thải số 03: Khí thải (mùi) từ nguồn số 03 tự phát tán ra môi trường. Tọa độ đại diện vị trí xả khí thải: X= 2218680(m); Y=592112(m).

- Dòng thải số 04: Khí thải (mùi) phát sinh từ nguồn số 04 được quạt hút thu gom qua hệ thống phun sương và lưới chắn mùi khu vực phía cuối các chuồng nuôi ra môi trường. Tọa độ đại diện vị trí xả khí thải: X = 2218743 (m); Y = 592261 (m).

- Dòng thải số 05: Khí thải phát sinh từ nguồn số 5 được thu gom qua đường ống về sử dụng là nhiên liệu đốt phục vụ sinh hoạt và sản xuất của Trang trại, phần không sử dụng hết đốt bỏ bằng các píp và đuốc đốt chuyên dụng. Tọa độ đại diện vị trí xả thải: X= 2218639 (m); Y= 592133 (m).

2.2. *Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:* Chưa xác định lưu lượng.

2.3. *Phương thức xả thải:*

- Dòng khí thải số 01, số 02, số 03: Tự phát tán ra môi trường, phát tán liên tục 24/24 giờ.

- Dòng khí thải số 04: Khí thải (mùi) được thải ra môi trường qua hệ thống quạt hút, phun sương và lưới chắn mùi phía cuối các chuồng nuôi, xả liên tục 24/24h.

- Dòng khí số 05: Thu gom qua đường ống dẫn khí và van khóa và tự phát tán ra môi trường khi đốt khí sinh học qua các pép và đuốc đốt.

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Phải đảm bảo chất lượng khí thải của nguồn tiếp nhận (không khí xung quanh của cơ sở) có giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI, MÙI HÔI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải, mùi hôi và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải, mùi hôi phát sinh đưa về hệ thống xử lý

- Nguồn khí thải, mùi số 01: Phun chế phẩm, rắc vôi bột để khử mùi hôi.
- Nguồn khí thải, mùi số 02: Phun chế phẩm để giảm thiểu mùi hôi
- Nguồn khí thải, mùi số 03: Sử dụng men vi sinh trong thức ăn và thường xuyên phun chế phẩm sinh học để giảm thiểu mùi.
- Nguồn khí thải, mùi số 04 được quạt hút ra hệ thống phun sương và lưới chắn mùi phía sau các dãy chuồng nuôi. Bổ sung chế phẩm hóa chất khử mùi.
- Nguồn khí thải, mùi số 05: Thu gom qua đường ống dẫn khí có van khóa, sử dụng đun nấu, phát sáng và các Pép đốt.

Toàn bộ nguồn khí thải từ số 01 đến số 03 thoát tự nhiên ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Xử lý khí thải mùi từ nguồn số 01, số 02, số 03:

- Đối với nguồn khí thải, mùi số 01: Khí thải, mùi phát sinh từ khu vực tập kết xác lợn chết, nhau thai lợn: Bố trí nhà có mái che (đảm bảo không bị nước mưa phủ vào), nền bê tông, có các ngăn phân cách, bao vây kín bằng lưới cước.
- Đối với nguồn khí thải, mùi số 02: Lắp đặt, bê tông kín đa số các cụm bê để giảm thiểu mùi hôi phát tán ra xung quanh.

- Đối với nguồn khí thải, mùi số 03: Khí thải, mùi phát sinh từ khu nhà chứa phân: Bố trí nhà có mái che, nền bê tông, bao vây xung quanh bằng lưới và sử dụng chế phẩm sinh học để giảm thiểu mùi và khí thải thải ra môi trường.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải (mùi) từ nguồn số 04:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ các chuồng nuôi → Quạt hút cuối các chuồng nuôi → Giàn phun sương có pha chế phẩm sinh học giảm thiểu mùi (EM hặc tương đương) → Lưới chắn mùi → Môi trường.

- Chế độ làm việc: Liên tục
- Công suất: Chưa xác định.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm sinh học EM (hoặc các hóa chất khác tương đương) đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này).

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 05:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí Biogas từ các hầm Biogas → Đường ống, van khóa → Van khóa, Pép đốt và đuốc đốt.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của các quạt hút, giàn phun sương xử lý khí thải (mùi) sau các chuồng nuôi; các đường ống dẫn khí và van khóa về máy phát điện chạy khí Biogas và các pép đốt, đuốc đốt; các máy phát điện dự phòng để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải theo quy định tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Tăng cường thực hiện biện pháp giảm thiểu khí thải, mùi phát sinh từ các khu vực chuồng nuôi (đảm bảo giàn phun sương hoạt động hiệu quả, liên tục có bổ sung men vi sinh sau các dãy chuồng nuôi).

- Trường hợp nhà hủy xác gây ô nhiễm môi trường; sự cố rò rỉ hầm Biogas, Cơ sở phải có biện pháp khắc phục nhanh chóng, kịp thời.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình, biện pháp xử lý khí thải, mùi hôi chuồng nuôi, khu xử lý nước thải, khu ủ phân, hủy xác lợn chết...

- Thường xuyên kiểm tra các hầm biogas để kịp thời phát hiện bọt thủng, rách để kịp thời sửa chữa, khắc phục đảm bảo không để rò rỉ khí thải ra môi trường.

- Định kỳ hút bùn cặn trong hầm biogas và ao sinh học để đảm bảo dung tích chứa và xử lý nước thải; hệ thống thu gom và xử lý nước thải kín tránh sự phát tán mùi hôi; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối,...

- Định kỳ phun chế phẩm sinh học để giảm thiểu mùi chuồng nuôi, khu hủy xác lợn, khu chứa phân, khu xử lý nước thải; ủ phân theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Đối với khí thải sinh học từ các hầm Biogas: Lắp đặt đường ống có van khóa đảm bảo thu gom toàn bộ khí thải sinh học từ các hầm Biogas về Hệ thống phát điện hoặc đốt, nghiêm cấm xả khí sinh học ra môi trường.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải, mùi hôi./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn và độ rung từ hoạt động của máy bơm nước phục vụ hoạt động của khu chuồng nuôi lợn.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của máy bơm nước, máy nén khí phục vụ hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các quạt hút mùi, xử lý khí thải cuối các dãy chuồng nuôi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung trong khuôn viên Trang trại tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn. Tọa độ vị trí các điểm phát sinh tiếng ồn và độ rung theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3° , như sau:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X= 2218825(m); Y= 592167 (m).
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X= 2218659(m); Y= 592171(m).
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện: X=2218757(m); Y= 592223(m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Bố trí nhà để máy phát điện cách xa khu vực khu vực nhà điều hành, khu nhà nghỉ của công nhân.

1.3. Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	27,4
2	Bao bì nhựa cứng thải (Bao bì cứng thải bằng nhựa đựng thuốc sát trùng, chế phẩm khử mùi, hóa chất xử lý môi trường, thuốc thú y)	18 01 03	68,5
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	15,6
4	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	14 02 02	125,7
5	Bao bì mềm thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có chứa gốc hữu cơ halogen)	14 01 05	1,0
6	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có chứa gốc hữu cơ halogen)	14 01 06	1,0
7	Hộp mực in thải	08 02 04	1,5
8	Dầu nhiên liệu và dầu Diesel (Dầu thải từ máy phát điện)	17 06 01	2,7
9	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	12,2
10	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2
Tổng cộng			257,6

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp (chăn nuôi) thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
-----	---------------	-------------------------------

1	Phân lợn	949.464
2	Thực phẩm dư thừa, bao bì đựng thức ăn, vỏ bọc giống cây, vỏ bao bì phân bón, than hoạt tính thải bỏ	9.130,2
3	Bùn cặn từ hầm bioga	3.688,5
4	Bùn cặn từ hồ sinh học	1.800
5	Bùn thải từ Trạm xử lý nước thải	186.150
6	Lợn chết không do dịch bệnh	11.778
7	Khối lượng nhau thai trong quá trình sinh sản của lợn nái	8.250
Tổng cộng		1.170.261,2

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên dự án	14,6
Tổng khối lượng		14,6

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a. Thiết bị lưu chứa:

- 05 Thùng lưu chứa dung tích 200 lít/thùng;
- 01 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng chứa dầu thải;
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

b. Kho lưu chứa:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 15 m², kích thước BxLxH=3,0x5,0x4,2 (m).

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vừa xi măng chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 4,2m, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển cảnh báo.

- Phần diện tích lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa loại 100 lít.

b. Kho lưu chứa:

- Không bố trí kho chứa chất thải thông thường: Cuối ngày chất thải rắn thông thường được thu gom vào bao chứa và vận chuyển đến điểm tập kết rác thải của khu vực cách dự án 1km nằm ở phía Đông Bắc của Trang trại.

- Khu vực tập kết xác lợn chết, nhau thai lợn có diện tích 24 m², tường thành hố xây gạch trát trong ngoài, quét hồ dầu chống thấm. Mặt nắp hố sử dụng BTCT.

- Nhà chứa phân có diện tích 71 m² (DxRxH=14,2x5x3,0m) nhà kho lưu giữ chất thải được xây dựng kiên cố, xung quanh được xây bao quanh bằng tường xây gạch ống, vữa XM M75, trát mặt vữa XM M75, tường mặt ngoài quét vôi cao 3,0m. Mái lợp tôn dày 3,5 zem. Bê tông nền Mac 200 và sử dụng chế phẩm sinh học để giảm thiểu mùi và khí thải thải ra môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng nhựa có nắp đậy loại 50 - 100 lít.

b. Khu vực tập kết tạm thời:

- Không bố trí kho chứa: Cuối ngày chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào bao chứa và vận chuyển đến điểm tập kết rác thải của khu vực cách dự án 1km nằm ở phía Đông Bắc của Trang trại.

- Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt được phun khử mùi hằng ngày.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn chăn nuôi cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại trang trại phải được thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định.

- Việc sử dụng phân thải chuồng trại và bùn thải làm phân bón phải tuân thủ quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Việc vận chuyển chất thải chăn nuôi phải tuân thủ quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định về sinh thú y.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải, khí thải.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố lợn chết do dịch bệnh và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Trang trại nuôi lợn, nuôi trồng thủy sản và trồng cây cảnh, cây dược liệu tại phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn của Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thiên An Minh đã hoàn thành, hạng mục, công trình phục vụ công suất chăn nuôi 1.500 con lợn nái, 30 con lợn đực và 150 con lợn hậu bị. Giai đoạn tiếp theo, Công ty phải tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn dự án, gồm:

- Hạng mục trồng cây xanh tại khu vực khuôn viên cây xanh, nuôi trồng thủy sản, trồng cây cảnh và cây dược liệu.

- Quy hoạch vị trí cụ thể để tập kết, xử lý lợn chết khi xảy ra đại dịch.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh trong hoạt động của cơ sở.

2. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy trình tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải và chuồng trại làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.